

Bản án số: 520/2018/HNGĐ -ST

Ngày: 26-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Vũ Thị Hiệp

2/ Bà Võ Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 287/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ D, sinh năm: 1959; địa chỉ: 82/4/6C đường L, Phường D, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 70/4 tổ 8, khu phố 3, đường P, phường A, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Quốc B, sinh năm: 1958; địa chỉ: 82/4/6C đường L, Phường D, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 193A đường N, Phường K, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2018, bản tự khai ngày 03/5/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn, bà Lê Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Lê Quốc B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/98 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận V cấp ngày 03/7/1998. Trong thời gian đầu khi mới về sống chung với nhau thì vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2005 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông B thường hay về nhà khuya, bỏ bê vợ, không quan tâm đến gia đình đồng thời bà phát hiện ông B đã có người

phụ nữ khác ở bên ngoài. Đến năm 2008 thì ông B đã tự ý dọn đồ đạc bỏ nhà đi sống riêng. Từ 10 năm nay thì vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B nên bà yêu cầu ly hôn với ông B để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông B không có con

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại bản tự khai đề ngày 27/6/2018 Bị đơn ông Lê Quốc B trình bày: Ông và bà D sống chung với nhau khoảng hơn 10 năm nhưng không hòa hợp được với nhau. Nay ông đồng ý ly hôn với bà D vì không còn tình cảm. Vợ chồng ông đã sống ly thân với nhau hơn 10 năm nay.

Về con chung: không có

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Bà Lê Thị Mỹ D và ông Lê Quốc B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 và có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thì ông B và bà D phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và cả hai không hòa hợp được với nhau. Hơn 10 năm nay thì ông B và bà D đã sống ly thân với nhau, nay cả hai đều xác định không còn tình cảm với nhau nên đều đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà D được ly hôn với ông B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: cả hai xác nhận không có con chung; tài sản chung và nợ chung hai bên khai không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyền số 01/98 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận V cấp ngày 03/7/1998 thì bà Lê Thị Mỹ D và ông Lê Quốc B có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà D có đơn xin ly hôn với ông B nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Lê Quốc B có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà D thì từ năm 2005 thì vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông B không quan tâm đến bà và không có trách nhiệm với gia đình. Ông Lê Quốc B cũng thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng ông bà không hòa hợp được với nhau. Từ 10 năm nay thì bà D và ông B đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến ai, cả hai đều xác định không còn tình cảm vợ chồng với nhau và đều đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...” nhưng giữa vợ chồng bà Lê Thị Mỹ D và ông Lê Quốc B đã không có sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Mỹ D và ông Lê Quốc B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho Lê Thị Mỹ D được ly hôn với ông Lê Quốc B là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Lê Thị Mỹ D và ông Lê Quốc B khai không có

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Lê Thị Mỹ D nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ D được ly hôn với ông Lê Quốc B

Giấy chứng nhận kết hôn số 47, quyển số 01/98 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận V cấp ngày 03/7/1998 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: không có

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Lê Thị Mỹ D nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029058 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Mỹ D được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

Ông Lê Quốc B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND Phường D, quận V;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

